ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1980 /QĐ-UBND	*Bắc Giang, ngày 30 tháng 09 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án Đường liên xã từ QL.17 (đoạn gần thị trấn Nhã Nam) đi Phúc Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc quyết định chủ trương đầu tư một số dự án trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của UBND huyện Tân Yên tại Tờ trình số 1957/TTr-UBND ngày 16/9/2021; Báo cáo thẩm định số 1756/SGTVT-QLCL ngày 24/9/2021 và Tờ trình số 91/TTr-SGTVT ngày 27/9/2021 của Sở Giao thông vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Đường liên xã từ QL.17 (đoạn gần thị trấn Nhã Nam) đi Phúc Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Đường liên xã từ QL.17 (đoạn gần thị trấn Nhã Nam) đi Phúc Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện Tân Yên.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng

4.1. Mục tiêu đầu tư

Đầu tư xây dựng công trình góp phần từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông theo quy hoạch; tạo điều kiện thuận lợi và an toàn cho việc đi lại, lưu thông của các phương tiện cơ giới, người dân trên địa bàn huyện; tăng tính kết nối giữa khu đô thị, khu công nghiệp với hệ thống giao thông đối ngoại (QL.17, TL.294, TL.297), tạo điều kiện thu hút các nhà đầu tư. Qua đó thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng và giải pháp thiết kế

4.2.1. Quy mô đầu tư xây dựng

Đầu tư xây dựng mới tuyến Đường liên xã từ QL.17 (đoạn gần thị trấn Nhã Nam) đi Phúc Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang với tổng chiều dài toàn tuyến khoảng 8,213Km bao gồm 02 tuyến (tuyến chính và tuyến nhánh). Đầu tư xây dựng 02 tuyến mới theo quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 *(Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 27/03/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang)*, cụ thể:

+ Tuyến chính: Điểm đầu tại Km0+00 giao cắt với QL.17 tại Km85+600 (gần thị trấn Nhã Nam); điểm cuối tại Km6+090 giao cắt với đường bờ kênh chính thuộc địa phận xã Phúc Sơn; chiều dài toàn tuyến chính khoảng 6,09Km.

+ Tuyến nhánh: Điểm đầu Km0+00 giao cắt tuyến chính tại Km3+683; điểm cuối tại Km2+123 giao cắt với ĐT.294 tại Km9+600 thuộc địa phận xã Quang Tiến; chiều dài tuyến nhánh khoảng 2,123Km.

Đầu tư xây dựng mới tuyến chính và tuyến nhánh theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng theo (TCVN 4054:2005) với chiều rộng nền đường $B_{nền}$=12,0m; chiều rộng mặt đường $B_{mặt}$=11,0m (bao gồm cả lề gia cố hai bên 2x2,0m=4,0m); chiều rộng lề đất $B_{lề}$=2x0,5m=1,0m.

Nội dung đầu tư bao gồm các hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước, công trình cầu, hệ thống an toàn giao thông; kết cấu mặt đường bê tông nhựa trên lớp móng cấp phối đá dăm.

4.2.2. Giải pháp thiết kế

a) Thiết kế bình đồ:

Bình đồ tuyến được thiết kế trên nguyên tắc phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 27/3/2020, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo cấp kỹ thuật của tuyến đường, giảm khối lượng đào đắp và hạn chế giải phóng mặt bằng.

Tuyến chính bắt đầu từ điểm giao với QL.17 tại Km85+600, hướng tuyến phát triển theo phía Tây chạy gần song song với ĐT.294 qua địa bàn các xã An Dương, Quang Tiến, Đại Hóa, Phúc Sơn và kết thúc tại Km6+090 giao cắt đường bờ kênh chính.

Tuyến nhánh bắt đầu từ điểm giao cắt với tuyến chính tại Km3+683, hướng

tuyến đi về phía Bắc qua xã Quang Tiến và kết thúc tại Km2+123, giao với ĐT.294 tại Km9+600.

b) Thiết kế trắc dọc: Tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật, các quy trình quy phạm hiện hành, kết hợp hài hoà với các yếu tố bình diện, đảm bảo êm thuận; giảm thiểu khối lượng giải phóng mặt bằng, khối lượng đào đắp nền đường. Cao độ thiết kế đảm bảo tần suất thủy văn, cao độ cầu trên tuyến và điểm giao với tuyến chính hiện trạng. Các điểm khống chế gồm điểm đầu và điểm cuối tuyến chính, điểm cuối tuyến nhánh và cao độ cầu.

c) Thiết kế trắc ngang: Thiết kế mặt cắt ngang theo quy mụ đường cấp III đồng bằng với chiều rộng nền đường $B_{nền}$=12,0m; chiều rộng mặt đường $B_{mặt}$=11,0m (bao gồm lề gia cố hai bờn 2x2,0m=4,0m); chiều rộng lề đường $B_{lề}$=2x0,5m=1,0m. Độ dốc ngang mặt đường và lề gia cố i=2%; độ dốc ngang lề đất i=4%; mỏi taluy nền đắp 1/1,5, nền đào 1/1,0.

d) Thiết kế nền đường:

Nền đường được đắp bằng vật liệu đất cấp phối đồi và tận dụng đất đào nền đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đối với nền đường đắp: Trước khi đắp nền thực hiện đánh cấp, đào bỏ lớp đất không thích hợp; đất đắp nền được lu lèn đảm bảo độ chặt K ≥ 95%, riêng lớp đất đắp dày 50cm sát kết cấu áo đường đảm bảo độ chặt K ≥ 98%.

Đối với nền đường đào: Đảm bảo 50cm sát kết cấu áo đường độ chặt K ≥ 98%, 30cm tiếp theo đạt độ chặt K≥0,95.

e) Thiết kế mặt đường, lề gia cố:

Thiết kế kết cấu áo đường mềm cấp cao A1 mô đuyn đàn hồi yêu cầu Eyc ≥ 140 Mpa. Kết cấu mặt đường, lề gia cố gồm các lớp từ trên xuống dưới như sau:

- Kết cấu mặt đường làm mới: Lớp bê tông nhựa C12,5 dày 5cm; tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m^2; lớp bê tông nhựa C19 dày 7cm; tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0kg/m^2; lớp móng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; lớp móng dưới cấp phối đá dăm loại II dày 30cm.

- Kết cấu mặt đường giao dân sinh:

+ Kết cấu vuốt đường ngang (áp dụng đường ngang là đường đất): Lớp bê tông nhựa C12,5 dày 7cm; tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0kg/m^2; lớp móng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; bù vênh bằng cấp phối đá dăm loại I.

+ Kết cấu vuốt đường ngang (áp dụng mặt đường ngang là BTXM hoặc BTN): Lớp bê tông nhựa C12,5 dày 7cm; bù vênh bằng bê tông nhựa đối với chiều dày bù vênh <8cm; bù vênh cấp phối đá dăm với chiều dày bù vênh >8cm.

g) Thiết kế nút giao, đường giao:

Các nút giao trên tuyến thiết kế giao cùng mức; bố trí hệ thống an toàn giao thông, sơn vạch kẻ đường, biển báo, đèn cảnh báo giao thông...; kết cấu mặt đường nút giao như tuyến chính. Tại các vị trí đường giao thiết kế vuốt nối đảm bảo giao thông êm thuận.

h) Thiết kế hệ thống thoát nước:

- Thoát nước dọc: Tuyến đường làm mới có chiều cao đắp đảm bảo thoát nước sang hai bên đường; tại những vị trí qua đường ngang thiết kế cống dọc D800 với kết cấu như đối với cống ngang. Đối với nền đường đào và nền đường đắp thấp thiết kế rãnh dọc hình thang kích thước 40x40x40cm. Tại vị trí nút giao đầu tuyến nhánh với ĐT.294 thiết kế hệ thống rãnh dọc B600 bằng BTCT kèm bó vỉa loại 23x26cm, rãnh biên BTXM M200 rộng 30cm để thu nước mặt đường và thoát nước vào hệ thống rãnh dọc B600 trên tuyến ĐT.294.

- Thoát nước ngang: Thiết kế các cống thoát nước ngang đảm bảo tiêu thoát nước khu vực và thủy lợi; sử dụng cống tròn D600, D800, D1000, D1500, tải trọng tính toán HL93 và cống hộp BxH=0,6x0,6m, BxH=0,8x0,8m, BxH= 1x1m, BxH=1,5x1,5, BxH=2(2,5x2)m tải trọng tính toán H30. Kết cấu cống tròn: Cống tròn BTCT đúc sẵn, khối móng BTCT M200, lớp đá dăm đệm dày 10cm; đắp cát hoàn trả đến đỉnh lưng cống; tường đầu, tường cánh kết cấu BTXM M200 trên lớp đá dăm đệm dày 10cm. Kết cấu cống hộp: Cống BTCT đúc sẵn, móng BTXM M200, lớp đá dăm đệm dày 10cm; đắp cát hoàn trả đến đỉnh lưng cống; tường đầu, tường cánh kết cấu BTXM M200, lớp đá dăm đệm dày 10cm.

- Hoàn trả mương: Một số kênh mương thủy lợi nằm trong phạm vi xây dựng tuyến đường sẽ được thiết kế hoàn trả theo kích thước, kết cấu mương hiện trạng. Đối với kênh cứng thiết kế hoàn trả bằng kênh xây gạch không nung, kích thước B60cm; đáy kênh bê tông xi măng M150.

i) Thiết kế cầu: Thiết kế 02 cầu bắc qua suối và kênh tại Km3+838,3 và Km6+074,44 bằng BTCT và BTCT DƯL; tải trọng thiết kế HL93, đoàn người $3x10^{-3}$ Mpa; chiều rộng cầu $B_{cầu}$=12,0m (0,5+11,0+0,5)m; tần suất P4%.

- Cầu số 01 bắc qua suối tại Km3+838,3; tổng chiều dài toàn cầu L=30,1m.

+ Kết cấu phần trên: Mặt cắt ngang cầu bố trí 12 dầm bản BTCT DƯL 40Mpa, L=20m, chiều cao dầm H=0,80m; khoảng cách dầm a=1,0m. Bản mặt cầu BTCT 30Mpa dày tối thiểu 15cm, lớp phủ mặt cầu bê tông nhựa C12,5 dày 7cm, tưới nhựa dính bám 0,5Kg/m^2, lớp phòng nước bằng dung dịch dạng phun; thoát nước mặt cầu sử dụng ống gang đúc D150; dốc ngang mặt cầu 2%.

+ Kết cấu phần dưới: Mố cầu dạng chữ U bằng BTCT 30Mpa đặt trên hệ cọc khoan nhồi D=1,0m; sau mố đặt bản quá độ BTCT 25Mpa đổ tại chỗ.

+ Kết cấu khác: Gờ chắn lan can BTCT 25Mpa đổ tại chỗ, lan can bằng thép mạ kẽm, khe co giãn dạng răng lược; gối cầu sử dụng gối cao su bản thép; tứ nón được gia cố bằng BTXM C16 dày 15cm dưới lót vải địa kỹ thuật; trên mái taluy có bố trí ống thoát nước D100mm, chân khay bằng bê tông xi măng 16Mpa trên lớp đá dăm đệm dày 10cm. Đào cải kênh đoạn phạm vi cầu chiều dài L=112m với kết cấu chân khay bằng BTXM 16MPa, ốp mái ta luy bằng BTXM dày 15cm dưới lót vải địa kỹ thuật.

- Cầu số 02 bắc qua kênh đất tại Km6+074,44; tổng chiều dài toàn cầu L=25,1m.

+ Kết cấu phần trên: Mặt cắt ngang cầu bố trí 12 dầm bản BTCT DƯL 40Mpa, L=20m, chiều cao dầm H=0,80m; khoảng cách dầm a=1,0m. Bản mặt cầu BTCT 30Mpa dày tối thiểu 15cm, lớp phủ mặt cầu bê tông nhựa C12,5 dày 7cm, tưới nhựa dính bám 0,5 Kg/m^2, lớp phòng nước bằng dung dịch dạng phun; thoát nước mặt cầu sử dụng ống gang đúc D150; dốc ngang mặt cầu 2%.

+ Kết cấu phần dưới: Mố cầu dạng chữ U bằng BTCT 30Mpa đặt trên hệ cọc khoan nhồi D=1,0m; sau mố đặt bản quá độ BTCT 25Mpa đổ tại chỗ.

+ Kết cấu khác: Gờ chắn lan can BTCT 25Mpa đổ tại chỗ, lan can bằng thép mạ kẽm, khe co giãn dạng răng lược; gối cầu sử dụng gối cao su bản thép; tứ nón được gia cố bằng BTXM C16 dày 15cm dưới lót vải địa kỹ thuật; trên mái taluy có bố trí ống thoát nước D100mm, chân khay bằng bê tông xi măng 16Mpa trên lớp đá dăm đệm dày 10cm.

+ Đường đầu cầu được thiết kế với quy mô cắt ngang $B_{nền}$=13,0m, $B_{mặt}$=11,0m, $B_{lề}$=2x1,0=2,0m với chiều dài mỗi bên 10m, sau đó được thiết kế vuốt về quy mô chung của tuyến đường.

k) Gia cố mái ta luy: Gia cố mái taluy tại một số vị trí tuyến đi qua ao, đầm có chiều cao đắp đất lớn với kết cấu: BTXM M200 dày 15cm, lớp lót vải địa kỹ thuật loại không dệt; chân khay BTXM M200 đổ tại chỗ, lớp đệm đá dăm dày 10cm.

l) An toàn giao thông: Thiết kế hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT; biển báo được bố trí tại các điểm giao cắt, biển được làm bằng tôn có phản quang, cột biển báo làm bằng thép tròn, vạch phản quang, tôn hộ lan. Các nút giao bố trí hệ thống đèn vàng tín hiệu cảnh báo nguy hiểm, cột đa giác mạ kẽm nhúng nóng, chiều cao H = 6m, tay vươn 4m.

m) Các nội dung chi tiết khác: Theo Hồ sơ lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đã chỉnh sửa, hoàn thiện theo kết quả thẩm định của Sở Giao thông vận tải.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, khảo sát xây dựng:

Công ty TNHH đầu tư xây dựng Châu Anh và Công ty TNHH MTV tư vấn đầu tư và xây dựng Minh Phong.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất

- Địa điểm xây dựng: Huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
- Diện tích sử dụng đất: khoảng 18ha.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế

- Loại, nhóm dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ, nhóm B.
- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp II.
- Thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế: 10 năm đối với mặt

đường BTN (mặt đường cấp cao A1 – TCVN 211-06); 100 năm đối với các công trình cầu (TCVN 11823-1:2017).

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

8.1. Số bước thiết kế: 02 bước.

8.2. Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng:

- Đường ô tô – Tiêu chuẩn khảo sát TCCS 31 : 2020/TCĐBVN;
- Công tác đất - quy phạm thi công và nghiệm thu TCVN 4447:2012;
- Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế 22TCN 211-06;
- Đường ô tô - yêu cầu thiết kế TCVN 4054-2005;
- Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ TCVN 11823-1:2017 ÷ TCVN 11823-14:2017;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07:2016;
- Tiêu chuẩn thiết kế cống TCVN 9113:2012; 9116:2012;
- Tải trọng và tác động – Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 2737:1995;
- Nền đường ô tô- thi công và nghiệm thu TCVN 9436:2012;
- Lớp móng CPĐD trong kết cấu áo đường ô tô - vật liệu, thi công và nghiệm thu TCVN 8859:2011;
- Nhựa đường lỏng - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử TCVN 8818:2011
- Mặt đường BTN nóng - Yêu cầu thi công và nghiệm thu TCVN 8819:2011;
- Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall TCVN 8820:2011
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT;
- Một số các tiêu chuẩn khác có liên quan.

9. Tổng mức đầu tư: 230.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tỷ đồng).*

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: 36.193.392.000 đồng;
- Chi phí xây dựng: 148.161.577.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 2.262.966.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 6.806.142.000 đồng;
- Chi phí khác: 7.233.546.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 29.342.377.000 đồng;

10. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022-2025.

11. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách trung ương (194.000 triệu đồng), ngân sách tỉnh (1.000 triệu đồng) và ngân sách huyện (35.000 triệu đồng).

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Giao Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Yên quản lý dự án.

13. Các nội dung khác: Theo Báo cáo thẩm định số 1756/SGTVT-QLCL ngày 24/9/2021 của Sở Giao thông vận tải và Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được thẩm định.

Điều 2. UBND huyện Tân Yên và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Tân Yên và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
  + LĐVP, TH, KTTH, KTN;
  + Lưu: VT, KTN$_{\text{Hiếu}}$.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích